TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 189/2022/DS-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại A.

Trụ sở: số 442 Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Thành T – Theo văn bản ủy quyền số 654/UQ-QLN.22 ngày 25/3/2022 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc Anh H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 129/19B Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Châu Thành T đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/6/2010, ông Đoàn Ngọc Anh H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ mức thu nhập, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa vàng (thẻ tín dụng quốc tế), số thẻ 4791 3926 0000 0265 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, hiệu lực đến tháng 07/2013.Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 23/7/2011 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của ông H sang nợ quá hạn. Ngày 26/7/2011 Ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Đoàn Ngọc Anh H. Tính đến ngày 14/01/2022, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 202.198.093 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 37.728.801 đồng, lãi quá hạn là 164.469.292).

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bản sao kê tính đến ngày 30/6/2022 số tiền ông Đoàn Ngọc Anh H hiện còn nợ là 209.707.158 đồng (trong đó nợ gốc là 37.728.801 đồng và lãi quá hạn là 171.978.357 đồng)

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đoàn Ngọc Anh H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ thẻ tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*". Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận Z nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông Đoàn Ngọc Anh H được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung các bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đối với thẻ tín dụng của ông Đoàn Ngọc Anh H thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng Visa vàng (thẻ tín dụng quốc tế), số thẻ 4791 3926 0000 0265 từ ngày 19/8/2010 (ngày phát sinh giao dịch đầu tiên) ông H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 68.500.000 đồng nhưng chỉ mới thanh toán được cho ngân hàng với tổng số tiền là 29.346.409 đồng. Kể từ ngày 26/7/2011 phía ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông H cho đến nay ông H không thanh toán thêm bất kỳ những khoản nào khác. Số dư nợ gốc phát sinh từ thẻ tín dụng Visa, số thẻ 4791 3926 0000 0265 còn nợ là 37.728.801 đồng. Do đó, căn cứ quy định tại điểm 5.2 Điều 5 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: "*Tất cả giá trị giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số du nợ đầu kỳ tiếp theo, ngân hàng vẫn được quyền ghi nợ tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt hạn mức tín dụng hay không...*". Căn cứ điểm e mục 12.2 Điều 12 quy định quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ: "*Thanh toán số dư nợ đúng hạn cho A*". Như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu ông Khánh thanh toán toàn bộ dư nợ gốc phát sinh còn lại chưa thanh toán trong quá trình sử dụng thẻ với số tiền là 37.728.801 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ Điều 10 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng quy định "*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của A*".

Xét, ngày 23/7/2011 Ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Đoàn Ngọc Anh H sang áp dụng lãi suất nợ quá hạn bắt đầu từ ngày 23/7/2011 là phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn là 171.978.357 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Đoàn Ngọc Anh H thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đoàn Ngọc Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền là 209.707.158 (Hai trăm lẻ chín triệu, bảy trăm lẻ bảy ngàn, một trăm năm mươi tám) đồng [Trong đó nợ gốc là 37.728.801 (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm lẻ một) đồng, tiền lãi quá

hạn là 171.978.357 (Một trăm bảy mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi bảy) đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 10.485.358 (Mười triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm năm mươi tám) đồng, ông Đoàn Ngọc Anh H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.746.946 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, theo biên lai thu tiền số 0018206 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đối với đương sự có mặt kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng